TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:176/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/8/2022.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Mai Đình Quế.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Hoan và bà Nguyễn Thụy Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 135/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trương Quang T, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt .

HKTT: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, bản tự khai ngày 28/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2017 tại UBND xã M, huyện H. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tuấn không chịu tu chí làm ăn, ham chơi lô đề cờ bạc, không chăm lo gia đình nên

vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau. Năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Ngày 31/3/2022 anh T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà nội. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Quang T.

Về con: Chị và anh Trương Quang T có một con chung là Trương Hà M, sinh ngày 12/02/2019 hiện nay đang sống cùng chị. Nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị và anh T có một số tài sản, công nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 08/8/2022 bị đơn anh Trương Quang T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Y kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã M cấp ngày 07/4/2017 . Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên cải nhau. Năm 2020 chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Trong thời gian này không ai quan tâm đến nhau, anh đi làm sip hàng ở Hà Nội và bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, từ khi bị bắt đến nay chị Y cũng không thăm nuôi, do đó tình cảm giữa anh và chị Y cũng không còn. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, do hiện nay anh đang bị tạm giam nên đề nghị Tòa án không tiến hành hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử cho anh và chị Y được ly hôn và cho anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về con: Anh và chị Yến có một con chung là Trương Hà M, sinh ngày 12/02/2019 nay ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh và chị Y có một số tài sản, công nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh và biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án hôn nhân và Gia đình ngày 20/7/2022 tại UBND xã và Công an xã M:

Chị Phạm Thị Y và anh Trương Quang T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện H. Hiện tại anh T không có mặt tại địa phương vì đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội về tội mua bán trái phép chất ma túy theo Thông báo số 1101/QĐ ngày 01/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chị Yến và anh Tuấn kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã M cấp đăng ký kết hôn năm 2017, sau khi kết hôn anh T đi làm ăn xa còn chị Y sinh sống và làm việc tại địa phương. Khi chị Y làm đơn xin ly hôn anh T đã bị bắt và đang tạm giam ở Hà Nội nên UBND xã Không tiến hành hòa giải mà hướng dẫn chị Y

gửi đơn đến Tòa án. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị Y trình bày là do anh T ham chơi, không quan tâm đến gia đình dẫn đến bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy nên chị Y làm đơn ly hôn. Trong quá trình chung sống chị Y và anh T có 01 con chung hiện nay đang ở với chị Y. Việc chị Y làm đơn xin ly hôn, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y, cho chị Y được ly hôn anh Trương Quang T.

Về con: Giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Hà M, sinh ngày 12/02/2019, anh Trương Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y chưa yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Chị Y và anh Tuấn có một số tài sản, công nợ chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Y khởi kiện ly hôn anh Trương Quang T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Trương Quang T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã M, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn ngày ngày 07/4/2017, như vậy hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Y và anh T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu tu chí làm ăn, ham chơi lô đề cờ bạc, không chăm lo gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên cải nhau, mặc dù cả hai đều cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hai bên không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án chị Y và anh T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử cho hai người được ly hôn vì tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con*:* Chị Y và anh T có một con chung là Trương Hà M, sinh ngày 12/02/2019 hiện nay đang ở với chị Y, nguyện vọng của chị Yến được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do cháu Hà M còn nhỏ lâu nay đang được sự chăm sóc của chị Yến, hơn nữa anh Tuấn đang bị tạm giam nên giao cháu Hà M cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Yến chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Y và anh T có một số tài ản, công nợ chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã giao các văn bản tố tụng cho anh T và chị Y, các đương sự đều đã có bản tự khai và yêu cầu không tiến hành hòa giải, anh Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Tuấn.

[6] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Vắng mặt anh Trương Quang T.

* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Trương Quang T.

Về con: Chị Phạm Thị Y và anh Trương Quang T có một con chung là Trương Hà M, sinh ngày 12/02/2019.

Giao cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Hà M cho đến khi cháu Hà M đủ tuổi trưởng thành, anh Trương Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y chưa yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009079 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.(Chị Y đã thi hành xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo***:** Chị Phạm Thị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Quang T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hậu Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;*
- *UBND xã M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga